



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2022

(Ban hành theo quyết định số: 3670/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Ngành: Thú y

Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú Y

Mã ngành: 7640101

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 166

Chuyên Ngành: Dược Thú y

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
1. Khối kiến thức cơ bản														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	200101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
2	202112	Toán cao cấp B1	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
3	202301	Hóa học đại cương	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
4	202401	Sinh học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
5	202408	Sinh học động vật	3	60	30	30	0	0	0	1	1			
6	202501	Giáo dục thể chất 1*	1	45	0	0	45	0	0	1	1			
7	214103	Tin học đại cương*	3	60	30	30	0	0	0	1	1			
8	200102	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	30	0	0	0	0	1	2	200101		
9	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
10	200202	Quân sự 2 (thực hành)*	3	90	0	90	0	0	0	1	2			
11	202502	Giáo dục thể chất 2*	1	45	0	0	45	0	0	1	2	202501		
12	202622	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
13	203500	Thống kê trong CNTY	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
14	200103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	2	1	200102		
15	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	0	2	2	200103		
16	200105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	0	0	0	3	1	200107		
Cộng			37	690	450	150	90	0	0					



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2022

(Ban hành theo quyết định số: 3670/QĐ-ĐHNH-ĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú Y

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 166

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Thú y

Mã ngành: 7640101

Chuyên Ngành: Dược Thú y

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiền quyết	Song hành
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0101 - Phải đạt tối thiểu : 3 TC														
1	202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	1	30	0	30	0	0	0	1	2			
2	202402	Thực hành Sinh học Đại cương	1	30	0	30	0	0	0	1	2			
3	213813	Pháp văn 3	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
4	202201	Vật lý 1	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
5	202302	Hoá phân tích	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
6	202305	Thí nghiệm Hoá phân tích	1	30	0	30	0	0	0	2	1			
7	202414	Sinh học thực vật	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
8	202620	Kỹ năng giao tiếp	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
9	204606	Khí tượng đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
Cộng			16	285	195	90	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0102 - Phải đạt tối thiểu : 4 TC														
1	213603	Anh văn 1*	4	60	60	0	0	0	0	1	1			
2	213811	Pháp văn 1	4	60	60	0	0	0	0	1	1			
Cộng			8	120	120	0	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0103 - Phải đạt tối thiểu : 3 TC														
1	213604	Anh văn 2*	3	45	45	0	0	0	0	1	2	213603		
2	213812	Pháp văn 2	3	45	45	0	0	0	0	1	2	213811		
Cộng			6	90	90	0	0	0	0					



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2022

(Ban hành theo quyết định số: 3670/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú Y

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 166

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Thú y

Mã ngành: 7640101

Chuyên Ngành: Dược Thú y

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
2. Khối kiến thức cơ sở ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	203308	Nhập môn Thú Y	2	45	15	30	0	0	0	1	2			
2	203109	Sinh hóa đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	1	202301		
3	203203	Di truyền học đại cương	3	60	30	30	0	0	0	2	1			
4	203211	Cơ thể 1	3	60	30	30	0	0	0	2	1	202408		
5	203508	Mô học	2	45	15	30	0	0	0	2	1	202401		
6	203703	Chăn nuôi đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
7	203103	Sinh lý 1	3	60	30	30	0	0	0	2	2	203109 203211		
8	203212	Cơ thể 2	2	45	15	30	0	0	0	2	2	203211		
9	203516	Vi sinh học đại cương	3	60	30	30	0	0	0	2	2	202401		
10	203915	Phương pháp nghiên cứu KH	2	30	30	0	0	0	0	2	2	203500		
11	211102	Sinh học phân tử	2	30	30	0	0	0	0	2	2	203203		
12	203100	Sinh hóa biến dưỡng	3	60	30	30	0	0	0	3	1	203508 203109		
13	203106	Sinh lý 2 (A)	3	45	45	0	0	0	0	3	1	203103		
14	203465	Dinh dưỡng động vật	3	45	45	0	0	0	0	3	1	203109		
15	203507	Miễn dịch	3	60	30	30	0	0	0	3	1	203516		
16	203515	Vi sinh thú y	3	45	30	15	0	0	0	3	1	203516		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2022

(Ban hành theo quyết định số: 3670/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Ngành: Thú y

Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú Y

Mã ngành: 7640101

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 166

Chuyên Ngành: Dược Thú y

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
17	203404	Dược lý cơ bản (A)	4	75	45	30	0	0	0	3	2	203515 203106		
Cộng			45	825	510	315	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0201 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	208453	Marketing căn bản	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
2	203962	Khởi nghiệp	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
3	203721	Quản lý trại chăn nuôi	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
4	208416	Quản trị học	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
5	208414	Quản trị trang trại	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
Cộng			10	150	150	0	0	0	0					
3. Khối kiến thức chuyên ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	203364	Thực tập thú y trang trại	2	90	0	0	90	0	0	3	2			
2	203419	Dược phân tích (A)	3	60	30	30	0	0	0	3	2	203404 202302		
3	203503	Dịch tễ học	2	30	30	0	0	0	0	3	2	203515 203500		
4	203504	Giải phẫu bệnh I	2	30	30	0	0	0	0	3	2	203103 203508		
5	203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	3	60	30	30	0	0	0	3	2	203500		
6	203523	Sinh lý bệnh	2	30	30	0	0	0	0	3	2	203109 203106		
7	203112	Dược lý lâm sàng (A)	4	75	45	30	0	0	0	4	1	203404		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2022

(Ban hành theo quyết định số: 3670/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú Y

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 166

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Thú y

Mã ngành: 7640101

Chuyên Ngành: Dược Thú y

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
8	203201	Ngoại khoa 1	2	30	30	0	0	0	0	4	1	203212		
9	203306	Bệnh truyền lây giữa Đv & người	2	30	30	0	0	0	0	4	1	203503 203507		
10	203362	Bệnh truyền nhiễm thú nhai lại	1	15	15	0	0	0	0	4	1	203503 203507		
11	203403	Nội khoa 1	3	60	30	30	0	0	0	4	1	203523		
12	203411	Hóa dược (A)	4	75	45	30	0	0	0	4	1	203404 202302		
13	203505	Ký sinh trùng 1	2	30	30	0	0	0	0	4	2	203404 203507		
14	203157	Thực tập xí nghiệp Dược	2	90	0	0	90	0	0	4	2			
15	203402	Nội khoa 2	2	30	30	0	0	0	0	4	2	203403		
16	203412	Bào chế dược (A)	4	75	45	30	0	0	0	4	2	202302 202301		
17	203363	Bệnh truyền nhiễm gia cầm	2	30	30	0	0	0	0	5	1	203503 203507		
18	203365	Thực hành bệnh truyền nhiễm	1	30	0	30	0	0	0	5	1			
19	203406	Độc chất học thú y	2	30	30	0	0	0	0	5	1	203404 203523		
20	203418	Dược liệu (A)	4	75	45	30	0	0	0	5	1	202302 203404		
21	203519	Bệnh truyền nhiễm heo	2	30	30	0	0	0	0	5	1	203525 203503		
22	203522	Luật thú y	2	30	30	0	0	0	0	5	1	203506 203503		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2022

(Ban hành theo quyết định số: 3670/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú Y

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 166

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Thú y

Mã ngành: 7640101

Chuyên Ngành: Dược Thú y

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
23	203916	Bệnh chó mèo	2	45	15	30	0	0	0	5	1			
Cộng			55	1080	630	270	180	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301 - Phải đạt tối thiểu : 5 TC														
1	203469	Thực tập sinh	7	210	0	0	210	0	0	4	2			
Cộng			7	210	0	0	210	0	0					
2	Chọn các nhóm học phần sau - Phải đạt tối thiểu: 5 TC													
2.1	Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301.1 - Phải đạt tối thiểu 2 TC													
a	203420	Chẩn đoán phòng thí nghiệm	2	45	15	30	0	0	0	4	2	203100 203106		
b	203909	Thực tế thú y	2	90	0	0	90	0	0	4	2			
c	203158	Kỹ năng báo cáo chuyên đề	2	30	30	0	0	0	0	4	2			
d	203313	Môi trường & SK vật nuôi	2	30	30	0	0	0	0	4	2	203516 203106		
e	203114	Tập tính động vật	2	30	30	0	0	0	0	4	2	203106		
f	203309	Một sức khỏe	2	30	30	0	0	0	0	4	2			
g	203525	Giải phẫu bệnh 2	2	45	15	30	0	0	0	4	2	203504		
h	203720	Khoa học thú thí nghiệm	2	30	30	0	0	0	0	4	2	203465		
i	203202	Ngoại khoa 2	2	45	15	30	0	0	0	4	2	203201		
k	203263	Thực tập bệnh viện thú y	2	90	0	0	90	0	0	4	2			
l	203264	Quản lý nguy cơ sinh học PTN	2	45	15	30	0	0	0	4	2			
m	203310	Thực hành một sức khỏe	2	60	0	60	0	0	0	4	2			



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2022

(Ban hành theo quyết định số: 3670/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú Y

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 166

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Thú y

Mã ngành: 7640101

Chuyên Ngành: Dược Thú y

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
n	203408	Chẩn đoán hình ảnh	2	45	15	30	0	0	0	4	2	203212		
o	203524	Ký sinh trùng 2	2	45	15	30	0	0	0	4	2			203505
Cộng			28	660	275	240	180	0	0					
2.2	Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301.2 - Phải đạt tối thiểu 3 TC													
a	203558	Giống động vật 1	3	45	30	15	0	0	0	4	2	203203		
b	203912	Anh văn chuyên ngành	3	45	45	0	0	0	0	4	2			
c	203506	Vi sinh chăn nuôi	3	60	30	30	0	0	0	4	2	203516 202401		
d	203410	Sản khoa	3	45	30	15	0	0	0	4	2			
e	206306	Bệnh cá (Nuôi trồng thủy sản)	3	60	30	30	0	0	0	4	2			
f	206307	Bệnh tôm	3	60	30	30	0	0	0	4	2			
g	203509	Khoa học Ong	2	30	30	0	0	0	0	4	2	203516		
h	203616	Thú hoang dã	2	30	30	0	0	0	0	4	2	203106		
i	203705	Chăn nuôi gia cầm đại cương	2	30	30	0	0	0	0	4	2	203465		
k	203707	Chăn nuôi heo đại cương	2	30	30	0	0	0	0	4	2	203465		
l	203709	Chăn nuôi thú nhai lại ĐC	2	30	30	0	0	0	0	4	2	203465		
m	203314	Kiểm nghiệm thú sản	4	75	45	30	0	0	0	4	2	203515		
Cộng			30	540	390	150	0	0	0					



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2022

(Ban hành theo quyết định số: 3670/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Chăn nuôi Thú Y

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 166

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Thú y

Mã ngành: 7640101

Chuyên ngành: Dược Thú y

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0302 - Phải đạt tối thiểu : 12 TC														
1	203108	Công nghệ SH ứng dụng trong TY	2	30	30	0	0	0	0	5	2	203100		
2	203209	Truyền tinh truyền phôi	2	45	15	30	0	0	0	5	2	203106		
3	203311	Kỹ thuật xử lý chất thải	2	30	30	0	0	0	0	5	2	203516		
4	203910	Khóa luận tốt nghiệp	12	180	0	0	0	0	180	5	2			
5	203911	Tiểu luận tốt nghiệp TY-DY	6	90	0	0	0	90	0	5	2			
Cộng			24	375	75	30	0	90	180					

Tổng Số Tín Chỉ Bắt Buộc: 137

Tổng Số Tín Chỉ Các Nhóm Tự Chọn: 29

Nhóm tốt nghiệp sẽ có 2 hình thức lựa chọn:

1. Khóa luận tốt nghiệp (12 TC)

2. Tiểu luận tốt nghiệp (6 TC) + phải đạt thêm tối thiểu 6 TC trong nhóm tự chọn chuyên ngành 0302

(*) Học phần điều kiện, bắt buộc sinh viên phải đạt nhưng không tham gia vào điểm trung bình chung tích lũy

(A) Học phần cốt lõi (Assessed), những học phần có chữ (A) sinh viên phải đạt 5.5 điểm trở lên mới được tính điểm tích lũy.

Lưu ý: Ngoài số 166 tín chỉ đạt nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Nhà Trường

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Hiệu Trưởng

PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

Trưởng Phòng Đào Tạo

TS. Võ Thái Dân

Trưởng Khoa

PGS.TS. Lê Quang Thông